

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST

Ngày 19 tháng 4 năm 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Ngọc Ngươi

Ông Nguyễn Thanh Tùng

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hàng Kim T, sinh năm 1987 (Có mặt)

Cư trú: Khóm 3, thị trấn C, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Mai Pha R, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Cùng trú: Ấp L, xã H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22.4.2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Hàng Kim T trình bày: Vào ngày 20 tháng 10 năm 2020 âm lịch ông Phạm Văn L có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 1.200.000 đồng/tháng. Sau khi vay ông L và bà R đã trả cho bà 12.400.000 đồng sau đó không trả nữa. Nay bà yêu cầu ông L và bà R trả số tiền nợ vốn là 20.000.000 đồng và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L và bà R trả lại số tiền còn lại sau khi đã trừ số tiền lãi mà ông L, bà R đã thanh toán cho bà theo quy định pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông L và bà R biết về việc bà T yêu cầu trả số tiền vay là 20.000.000 đồng và lãi suất nhưng ông L và bà R không có ý kiến gì. Tòa án đã tổng đạt cho ông L và bà R thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông L và bà R không đến và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của bà T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành mở phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hòa giải giữa bà T và bà R, ông L được. Tòa án tiến hành triệu tập ông L và bà R để tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ tư nhưng ông L và bà R vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông L và bà R theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là bà Hàng Kim T với bà Mai Pha R, ông Phạm Văn L từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn khi giao kết hợp đồng vay tài sản và tại thời điểm hiện tại đều có địa chỉ tại Ấp L, xã H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các phiên tòa sơ thẩm mở vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 29/3/2023, 07 giờ 30 phút ngày 19/4/2023, mặc dù bị đơn ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, trả lại số tiền còn lại sau khi đã đối trừ số tiền lãi mà ông L, bà R đã thanh toán cho bà theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy tại hồ sơ thể hiện bà T cung cấp sao kê ngân hàng thể hiện ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R có trả lãi tiền vay cho bà bằng hình thức chuyển khoản. Xét thấy việc ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R có vay tiền của bà T tổng số tiền 20.000.000 đồng là thực tế có xảy ra và cho đến nay vẫn không trả là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 274 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R có trách nhiệm liên đới trả tiền vay cho bà T.

Về lãi suất: Phía bà T xác định ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R đã đóng lãi cho bà số tiền 12.400.000 đồng, bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc đã có đóng lãi số tiền vay cụ thể là bao nhiêu cho bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R có đóng lãi cho bà T số tiền 12.400.000 đồng theo trình bày của bà T. Do khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng (72%/năm) cao hơn lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự, tại phiên tòa bà T đồng ý tính lãi suất theo quy định nên lãi suất xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm (1,66%/tháng).

Đối với số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 20.10.2020 đến ngày xét xử ngày 19.4.2023 là 30 tháng 29 ngày, số tiền lãi là: 20.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 30 tháng 29 ngày = 10.278.700 đồng. Đối trừ số tiền lãi đã thanh toán là 12.400.000

đồng thì ông L, bà R đã thanh toán vượt quá với số tiền 2.121.300 đồng nên được trừ vào vốn gốc 20.000.000 đồng. Ông L và bà R còn phải thanh toán cho bà T số tiền vốn gốc là 17.878.700 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R liên đới trả số tiền vay vốn là 17.878.700 đồng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, buộc ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R đã biết việc bà T khởi kiện và biết các tài liệu chứng cứ mà bà T cung cấp cho Tòa án nhưng ông Phạm Văn L, bà Mai Pha R không có ý kiến phản đối hay đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc đã trả số tiền vay cho bà T hay chưa, nên việc bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Hàng Kim T không phải chịu án phí, ông Phạm Văn L và bà Mai Pha R phải chịu là 894.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 166, 185, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Kim T đối với ông Phạm Văn L và bà Mai Pha R.

Buộc ông Phạm Văn L và bà Mai Pha R phải liên đới trả cho bà Hàng Kim T số tiền vay vốn là 17.878.700 đồng (Mười bảy triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày bà Hàng Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phạm Văn L và bà Mai Pha R không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Phạm Văn L và bà Mai Pha R phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm Văn L và bà Mai Pha R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 894.000 đồng (Tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Hàng Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Hàng Kim T có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 730.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008064 ngày 25 – 4 – 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Hàng Kim T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn L và bà Mai Pha R có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Kiệt